

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thông tin về Tập đoàn**

**Giấy chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0100100008

Ngày 29 tháng 1 năm 2015

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được sửa đổi nhiều lần và lần gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100008 ngày 29 tháng 1 năm 2015. Các Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Quang Nghị	Chủ tịch
Ông Lê Tiến Trường	Ủy viên
Ông Đặng Vũ Hùng	Ủy viên
Ông Phạm Phú Cường	Ủy viên
Ông Lê Khắc Hiệp	Ủy viên
Ông Lê Đình Ngọc	Ủy viên
Ông Don Di Lam	Ủy viên

**Cơ quan Tổng Giám đốc**

Ông Lê Tiến Trường	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Duy Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Nguyên Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Phở	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 4/2/2015)
Ông Lê Trung Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Vệ Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Nguyên Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Vũ Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Phú Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Khiêm	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 5/2/2015)
Ông Nguyễn Đức Khiêm	Giám đốc Điều hành (đến ngày 4/2/2015)
Ông Ưông Tiến Thịnh	Giám đốc Điều hành (đến ngày 1/2/2016)
Ông Phạm Văn Tân	Giám đốc Điều hành
Ông Nguyễn Khánh Sơn	Giám đốc Điều hành
Ông Lê Mạc Thuấn	Giám đốc Điều hành
Bà Phạm Minh Hương	Giám đốc Điều hành

**Trụ sở đăng ký**

25 Phố Bà Triệu  
Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm  
Hà Nội, Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Báo cáo của Cơ quan Tổng Giám đốc**

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Cơ quan Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 60 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn Dệt May Việt Nam sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Cơ quan Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng này.

Thay mặt Cơ quan Tổng Giám đốc



Lê Tiến Trường  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2016



**KPMG Limited**  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,  
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,  
Me Tri Ward, South Tu Liem District, Hanoi,  
Vietnam

Tel: +84 4 3946 1600  
Fax: +84 4 3946 1601  
www.kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị  
Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 60.

### **Trách nhiệm của Cơ quan Tổng Giám đốc**

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Cơ quan Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Cơ quan Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Vấn đề lưu ý

Chúng tôi không đưa ra ý kiến ngoại trừ, nhưng lưu ý người đọc tới:

- Thuyết minh 1(d) của báo cáo tài chính riêng. Tập đoàn Dệt May Việt Nam trở thành công ty cổ phần từ ngày 29 tháng 1 năm 2015, tuy nhiên, theo Công văn số 2917/BCT-TC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ Công thương về việc quyết toán cổ phần hóa Tập đoàn Dệt May Việt Nam, Bộ Công thương đã chấp thuận cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam chọn ngày 31 tháng 12 năm 2014 là thời điểm chuyển đổi hình thức sở hữu từ công ty nhà nước sang công ty cổ phần cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính. Do vậy, kỳ kế toán năm đầu tiên sau khi chuyển đổi sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã áp dụng các nguyên tắc phù hợp với quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này như được nêu cụ thể tại Thuyết minh 1(d).
- Thuyết minh 5(a) của báo cáo tài chính riêng. Trong năm, căn cứ vào Công văn số 17623/BTC-TCDN ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc xử lý tồn tại tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã định giá lại các khoản đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán đã xác định trong giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần và điều chỉnh lại số liệu kế toán tại ngày 1 tháng 1 năm 2015. Trên báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được điều chỉnh để phản ánh các thay đổi do việc xác định lại giá trị các khoản đầu tư nói trên.

**Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 15-02-473-a



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2016

Lê Việt Hùng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 0296-2013-007-1

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**Mẫu B 01 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND Đã điều chỉnh lại</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>2.683.812.929.222</b>	<b>2.651.882.381.419</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>1.712.384.244.945</b>	<b>1.745.124.016.452</b>
Tiền	111		129.517.613.946	40.057.723.784
Các khoản tương đương tiền	112		1.582.866.630.999	1.705.066.292.668
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>64.041.000.000</b>	<b>216.252.500.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	64.041.000.000	216.252.500.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>810.737.912.616</b>	<b>646.158.494.374</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	53.691.752.369	54.069.550.570
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		49.088.672.954	34.143.732.160
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9(a)	252.084.388.608	214.584.388.608
Phải thu ngắn hạn khác	136	10(a)	455.873.098.685	343.360.823.036
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>53.891.489.923</b>	<b>35.233.108.050</b>
Hàng tồn kho	141		53.891.489.923	35.233.108.050
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>42.758.281.738</b>	<b>9.114.262.543</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		725.425.448	1.082.705.917
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		41.636.902.032	6.407.782.770
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17(a)	395.954.258	1.623.773.856

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND Đã điều chỉnh lại</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>4.363.320.570.302</b>	<b>4.113.720.640.374</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>81.892.479.263</b>	<b>5.905.439.859</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9(b)	76.581.325.763	594.286.359
Phải thu dài hạn khác	216	10(b)	5.311.153.500	5.311.153.500
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>476.848.349.915</b>	<b>486.270.946.408</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	12	424.308.792.043	432.454.082.846
<i>Nguyên giá</i>	222		839.516.219.227	840.059.143.619
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(415.207.427.184)	(407.605.060.773)
Tài sản cố định vô hình	227	13	52.539.557.872	53.816.863.562
<i>Nguyên giá</i>	228		63.079.878.600	63.145.078.600
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(10.540.320.728)	(9.328.215.038)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>871.558.660.940</b>	<b>56.159.731.797</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	871.558.660.940	56.159.731.797
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>7(b)</b>	<b>2.866.034.347.772</b>	<b>3.494.122.263.278</b>
Đầu tư vào công ty con	251		1.704.267.511.368	2.292.713.365.066
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		1.050.783.663.576	1.049.089.751.221
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		125.882.844.878	152.319.146.991
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(14.899.672.050)	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>66.986.732.412</b>	<b>71.262.259.032</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	66.986.732.412	71.262.259.032
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>7.047.133.499.524</b>	<b>6.765.603.021.793</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND Đã điều chỉnh lại</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.476.839.208.421</b>	<b>1.693.569.818.901</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>731.048.574.636</b>	<b>992.591.833.410</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	139.445.627.098	31.815.568.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.166.202.582	8.306.477.565
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17(b)	972.119.820	6.263.532.515
Phải trả người lao động	314		23.876.340.303	23.616.021.130
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18(a)	4.372.905.902	10.136.815.314
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		426.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	19(a)	456.257.047.819	817.730.077.997
Vay ngắn hạn	320	20(a)	73.745.026.808	59.601.231.929
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		25.787.304.304	35.122.108.960
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>745.790.633.785</b>	<b>700.977.985.491</b>
Chi phí phải trả dài hạn	333	18(b)	27.511.488.000	28.460.160.000
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		2.378.500.000	-
Phải trả dài hạn khác	337	19(b)	192.815.930	422.129.949.395
Vay dài hạn	338	20(b)	715.707.829.855	250.387.876.096
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>5.570.294.291.103</b>	<b>5.072.033.202.892</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>5.531.865.514.650</b>	<b>5.029.911.650.892</b>
Vốn cổ phần	411	22	5.000.000.000.000	4.299.595.911.499
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000.000	4.299.595.911.499
Thặng dư vốn cổ phần	412		29.911.650.892	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	730.315.739.393
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		266.289.668.614	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		266.289.668.614	-
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	23	235.664.195.144	-
<b>Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>38.428.776.453</b>	<b>42.121.552.000</b>
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	24	38.428.776.453	42.121.552.000
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>7.047.133.499.524</b>	<b>6.765.603.021.793</b>

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Người lập:

  
 Đặng Thị Hải  
 Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:

  
 Phạm Văn Tân  
 Kế toán trưởng

  
 Lê Tiến Trường  
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**Mẫu B 02 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>26</b>	<b>451.742.618.252</b>	<b>227.954.672.344</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>26</b>	<b>63.874.268</b>	<b>151.365.002</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>26</b>	<b>451.678.743.984</b>	<b>227.803.307.342</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>27</b>	<b>388.350.458.146</b>	<b>195.670.553.057</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>63.328.285.838</b>	<b>32.132.754.285</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	410.203.055.801	402.530.191.111
Chi phí tài chính	22	29	50.633.279.382	14.424.116.944
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>17.753.815.748</i>	<i>10.953.634.211</i>
Chi phí bán hàng	25		9.304.226.798	2.589.223.657
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	151.493.181.833	200.455.599.999
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))</b>	<b>30</b>		<b>262.100.653.626</b>	<b>217.194.004.796</b>
Thu nhập khác	31	31	7.340.832.739	46.058.148.141
Chi phí khác	32		2.703.800.689	3.754.594.198
<b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>4.637.032.050</b>	<b>42.303.553.943</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>266.737.685.676</b>	<b>259.497.558.739</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>33</b>	<b>448.017.062</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>266.289.668.614</b>	<b>259.497.558.739</b>

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Người lập:



**Đặng Thị Hải**  
Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:



**Phạm Văn Tân**  
Kế toán trưởng




**Lê Tiến Trường**  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

(Phương pháp gián tiếp)

**Mẫu B 03 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		266.737.685.676	259.497.558.739
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		49.224.680.810	63.354.307.024
Các khoản dự phòng	03		14.899.672.050	681.071.197
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		14.374.709.450	518.436.014
Lãi từ hoạt động đầu tư	05-a		(410.366.572.632)	(402.310.747.012)
Chi phí lãi vay	06		17.753.815.748	10.953.634.211
Lãi vay phải trả được điều chỉnh giảm	07		-	(43.724.416.667)
<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(47.376.008.898)</b>	<b>(111.030.156.494)</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		(81.396.281.987)	(44.860.300.549)
Biến động hàng tồn kho	10		(18.658.381.873)	(23.015.216.131)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(141.590.063.260)	214.342.954.750
Biến động chi phí trả trước	12		2.011.091.072	(2.636.297.913)
			<b>(287.009.644.946)</b>	<b>32.800.983.663</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(19.802.003.581)	(11.609.084.217)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(529.617.227)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		235.664.195.144	2.550.868.445.050
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(417.635.779.222)	(1.831.518.704.530)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(489.312.849.832)</b>	<b>740.541.639.966</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(807.335.911.423)	(201.678.005.358)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		610.545.455	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(166.164.039.404)	(88.538.500.340)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		204.888.500.000	122.700.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(555.400.000)	(145.698.291.200)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		416.561.519.920	112.707.338.503
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		344.073.872.659	361.782.990.306
Tiền giảm do điều chuyển Xí nghiệp Sản xuất Kinh doanh Veston Hải Phòng			(1.742.623.070)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(9.663.535.863)</b>	<b>161.275.531.911</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		984.075.368.863	364.455.677.160
Tiền trả nợ gốc vay	34		(517.838.754.675)	(123.108.483.387)
Lợi nhuận nộp Ngân sách Nhà nước	36		-	(111.522.692.784)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>466.236.614.188</b>	<b>129.824.500.989</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(32.739.771.507)</b>	<b>1.031.641.672.866</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(32.739.771.507)</b>	<b>1.031.641.672.866</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>1.745.124.016.452</b>	<b>713.466.670.616</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>-</b>	<b>15.672.970</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>6</b>	<b>1.712.384.244.945</b>	<b>1.745.124.016.452</b>

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Người lập:

Đặng Thị Hải  
Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:

Phạm Văn Tân  
Kế toán trưởngLê Tiến Trường  
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*

*Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

### **1. Đơn vị báo cáo**

#### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thành lập dưới hình thức công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo quyết định số 974/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ vào Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam, căn cứ vào Công văn số 4085/BTC – TC ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc bán cổ phần lần đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện việc bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo hình thức kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22 tháng 9 năm 2014. Theo đó, vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sau cổ phần hóa là 5.000 tỷ VND, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 29 tháng 1 năm 2015.

#### **(b) Hoạt động chính**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn đầu tư trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn này, cụ thể như sau:

##### **1. Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:**

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải; vật liệu điện, điện tử; phần mềm và thiết bị tin học; cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;

## Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp;
  - Dịch vụ: thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;
  - Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
  - Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;
  - Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
  - Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.
2. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, các công ty liên kết và các đơn vị nhận đầu tư khác.

### (c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nằm trong phạm vi 12 tháng.

## Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### (d) Các đặc điểm hoạt động có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính

Tập đoàn Dệt May Việt Nam trở thành công ty cổ phần từ ngày 29 tháng 1 năm 2015, ngày được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu. Tuy nhiên, theo Công văn số 2917/BCT-TC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ Công thương về việc quyết toán cổ phần hóa Tập đoàn Dệt May Việt Nam, Bộ Công thương đã chấp thuận cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam chọn ngày 31 tháng 12 năm 2014 là thời điểm chuyển đổi hình thức sở hữu từ công ty nhà nước sang công ty cổ phần cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính. Do vậy, kỳ kế toán năm đầu tiên sau khi chuyển đổi sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015. Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”), Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã áp dụng các nguyên tắc sau trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng:

- Đối với bảng cân đối kế toán riêng và các thuyết minh có liên quan, toàn bộ số dư tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu kế thừa của công ty nhà nước trước khi chuyển đổi được ghi nhận là số dư đầu kỳ của công ty cổ phần và được trình bày trong cột số đầu kỳ tại ngày 1 tháng 1 năm 2015; và
- Đối với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh có liên quan, cột kỳ này trình bày số liệu kể từ thời điểm chuyển đổi ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến cuối kỳ báo cáo đầu tiên, ngày 31 tháng 12 năm 2015. Theo quy định của Thông tư 200, cột kỳ trước trình bày số liệu lũy kế kể từ đầu năm báo cáo đến thời điểm chuyển đổi hình thức sở hữu. Tuy nhiên, do thời điểm chuyển đổi hình thức sở hữu trùng với ngày đầu kỳ của kỳ kế toán đầu tiên, để đảm bảo nguyên tắc có thể so sánh và nhất quán, số liệu so sánh được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh có liên quan là số liệu của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### (e) Cấu trúc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam:

Tên	Thông tin chính
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Trung tâm Xử lý nước thải Khu Công nghiệp Dệt May Phố Nối	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-019 ngày 17 tháng 11 năm 2014 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Xí nghiệp May Vinatex Quảng Ngãi	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-019-045 ngày 1 tháng 4 năm 2014 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sợi Phú Hưng	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-046 ngày 30 tháng 7 năm 2014 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh (*)	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-047 ngày 16 tháng 4 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

## Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tên	Thông tin chính
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy May Vinatex Kiên Giang (*)	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-048 ngày 1 tháng 6 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed (*)	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-049 ngày 4 tháng 11 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(\*) Đây là các chi nhánh mới thành lập trong năm 2015.

Ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã điều chuyển nguyên trạng Xí nghiệp Sản xuất Kinh doanh Veston Hải Phòng, một chi nhánh phụ thuộc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho Công ty TNHH Nhà nước Một Thành Viên Dệt 8-3 căn cứ theo Quyết định số 1308/QĐ-TĐDMVN của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 2.594 nhân viên (1/1/2015: 1.204 nhân viên).

## 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tập đoàn Dệt May Việt Nam cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

### (b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

### (c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### (d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



### **3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

### **4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

#### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Tập đoàn Dệt May Việt Nam và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn Dệt May Việt Nam nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn Dệt May Việt Nam dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn Dệt May Việt Nam thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Tập đoàn Dệt May Việt Nam gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn Dệt May Việt Nam thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Cơ quan Tổng Giám đốc dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa được ghi nhận theo giá trị được xác định lại tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần theo quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Khoản 1, Điều 33, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần (“Nghị định 59”) và Khoản 5, Khoản 6, Điều 1, Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59, cụ thể như sau:

- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào công ty cổ phần đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán tại thời điểm gần nhất với thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần.
- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào (i) cổ phiếu của công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường Upcom mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm định giá; (ii) cổ phiếu của công ty cổ phần chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán và (iii) các doanh nghiệp khác được xác định trên cơ sở:
  - Tỷ lệ vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trên vốn điều lệ, vốn cổ phần hoặc tổng số vốn thực góp tại đơn vị nhận đầu tư.
  - Giá trị vốn chủ sở hữu tại đơn vị nhận đầu tư được xác định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Trường hợp chưa kiểm toán thì căn cứ vào giá trị vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất của đơn vị đó để xác định.
  - Trường hợp giá trị khoản đầu tư tài chính khi xác định lại có giá trị thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán thì được xác định theo giá trị thực tế xác định lại.
- Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015, giá trị các khoản đầu tư đã được chuyển nhượng trong năm 2015 bao gồm khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Tài chính Dệt May và Công ty TNHH MTV Thương mại Thời trang Dệt May Việt Nam được xác định theo giá thực tế chuyển nhượng.

Giá trị đánh giá lại như hướng dẫn ở trên được xem là giá gốc ban đầu của các khoản đầu tư khi Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển thành công ty cổ phần. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Trong trường hợp Tập đoàn Dệt May Việt Nam nhận được cổ tức hoặc lợi nhuận được chia tương ứng với phần tăng thêm do định giá lại khoản đầu tư trong quá trình cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư sẽ được giảm tương ứng với phần cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này (Thuyết minh (o)(ii)).

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*

*Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(iii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

**(iv) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính**

Dự phòng giảm giá đầu tư vào cổ phiếu của công ty cổ phần và các đơn vị khác đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị thị trường của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào các đơn vị khác được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn Dệt May Việt Nam khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 4 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”) và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của các hợp đồng thuê đất trong vòng 10 đến 40 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(iii) Lợi thế kinh doanh**

Lợi thế kinh doanh được xác định thông qua quá trình cổ phần hóa Tập đoàn Dệt May Việt Nam và được phân bổ không quá 3 năm kể từ khi công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động (được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu).

**(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(l) Vốn cổ phần**

**Cổ phiếu phổ thông**

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(n) Doanh thu**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iv) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(o) Doanh thu hoạt động tài chính**

**(i) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(ii) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, do Tập đoàn Dệt May Việt Nam là đơn vị do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ, cổ tức bằng cổ phiếu được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính theo quy định tại Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, thời điểm Tập đoàn Dệt May Việt Nam chính thức chuyển thành công ty cổ phần, cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính mà chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Khoản cổ tức hoặc lợi nhuận được chia đã sử dụng để định giá lại giá trị khoản đầu tư khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá và tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính mà ghi giảm giá trị khoản đầu tư tài chính (Thuyết minh (c)(ii))

**(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(q) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(r) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Số liệu so sánh**

**(a) Định giá lại các khoản đầu tư tài chính**

Theo quy định tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC (“Thông tư 127”) ngày 5 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải thực hiện định giá lại các khoản đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần, ngày 1 tháng 1 năm 2015, và giá trị được định giá lại này sẽ được xác định là giá gốc của các khoản đầu tư khi chuyển giao sang công ty cổ phần.

Tuy nhiên, theo Công văn số 5084/BTC-TCDN ngày 17 tháng 4 năm 2015 về việc định giá khoản đầu tư tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần, Bộ Tài chính đã chấp thuận việc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chưa định giá lại các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, việc định giá này sẽ được thực hiện khi Tập đoàn quyết toán giai đoạn chuyển đổi từ công ty nhà nước sang công ty cổ phần và sẽ do đoàn định giá của Bộ Tài chính và Bộ Công Thương quyết định. Do vậy, trên báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã phát hành ngày 17 tháng 4 năm 2015, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa đang được ghi nhận theo giá trị đã được điều chỉnh theo Quyết định số 4373/QĐ-BCT (“Quyết định 4373”) ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa và Quyết định số 10132/QĐ-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương sửa đổi Điều 1 và Điều 2 Quyết định số 4373.

Trong năm 2015, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện việc lập hồ sơ xác định bổ sung giá trị phần vốn Nhà nước và quyết toán công tác cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển đổi sang công ty cổ phần. Để hỗ trợ Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong công tác quyết toán cổ phần hóa, Bộ Tài chính đã ban hành Công văn số 17623/BTC-TCDN ngày 26 tháng 11 năm 2015 về việc xử lý tồn tại tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Công văn 17623”). Trong đó, Bộ Tài chính hướng dẫn Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện định giá lại các khoản đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán đã xác định trong giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo phương pháp quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Khoản 1, Điều 33, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần (“Nghị định 59”) và Khoản 5, Khoản 6, Điều 1, Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59 (“Nghị định 116”). Đồng thời, Công văn 17623 cũng nêu rằng Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải nộp phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư này về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được tiền chuyển nhượng các khoản đầu tư hoặc không quá 12 tháng kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam lập Báo cáo quyết toán tài chính để chính thức chuyển thành công ty cổ phần, ngày 31 tháng 5 năm 2015 trong trường hợp các khoản đầu tư này chưa được chuyển nhượng.

Căn cứ vào công văn 17623, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện định giá lại các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần và điều chỉnh lại số liệu kế toán tại ngày 1 tháng 1 năm 2015. Phương pháp định giá lại các khoản đầu tư được trình bày chi tiết trong Thuyết minh 4(c)(ii).

Trên báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được điều chỉnh để phản ánh các thay đổi do việc xác định lại giá trị các khoản đầu tư nói trên.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*

*Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Các vấn đề khác**

Căn cứ vào Biên bản kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế để cổ phần hóa đối với Tập đoàn Dệt May Việt Nam ngày 17 tháng 8 năm 2015 của Cục Thuế Thành phố Hà Nội, Tập đoàn Dệt May Việt Nam cũng điều chỉnh lại một số số liệu kế toán tại ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Thêm vào đó, như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng Thông tư 200. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 về trình bày báo cáo tài chính.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh và phân loại lại nói trên được tổng hợp dưới đây:

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*

*Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**Bảng cân đối kế toán riêng**

	1/1/2015 Theo báo cáo trước đây VND	Định giá lại các khoản đầu tư tài chính VND	Các điều chỉnh khác VND	1/1/2015 Đã điều chỉnh lại VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	-	-	216.252.500.000	216.252.500.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn	216.252.500.000	-	(216.252.500.000)	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	69.761.113.522	-	(15.691.562.952)	54.069.550.570
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-	214.584.388.608	214.584.388.608
Phải thu ngắn hạn khác	547.373.661.825	-	(204.012.838.789)	343.360.823.036
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	6.477.765.892	-	(69.983.122)	6.407.782.770
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	1.931.303.600	-	(307.529.744)	1.623.773.856
Tài sản ngắn hạn khác	2.013.487.938	-	(2.013.487.938)	-
Phải thu về cho vay dài hạn	-	-	594.286.359	594.286.359
Phải thu dài hạn khác	594.286.359	-	4.716.867.141	5.311.153.500
Đầu tư vào công ty con	2.038.941.137.360	253.772.227.706	-	2.292.713.365.066
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	872.731.729.535	164.858.757.686	11.499.264.000	1.049.089.751.221
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	160.315.431.911	(7.996.284.920)	-	152.319.146.991
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(11.488.460.489)	11.488.460.489	-	-
Tài sản dài hạn khác	5.311.153.500	-	(5.311.153.500)	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.267.581.014	-	(4.048.499)	6.263.532.515
Chi phí phải trả ngắn hạn	35.671.859.481	-	(25.535.044.167)	10.136.815.314
Phải trả ngắn hạn khác	815.157.554.102	-	2.572.523.895	817.730.077.997
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	35.632.108.960	-	(510.000.000)	35.122.108.960
Chi phí phải trả dài hạn	-	-	28.460.160.000	28.460.160.000
Phải trả dài hạn khác	1.002.129.600	422.123.160.961	(995.341.166)	422.129.949.395

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***6. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tiền mặt	1.257.270.668	3.038.389.776
Tiền gửi ngân hàng	128.260.343.278	37.019.334.008
Các khoản tương đương tiền	1.582.866.630.999	1.705.066.292.668
	1.712.384.244.945	1.745.124.016.452

**7. Các khoản đầu tư tài chính****(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn -- ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	64.041.000.000	64.041.000.000	216.252.500.000	216.252.500.000

(\*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng và hưởng lãi suất từ 5% đến 6% (2014: từ 5% đến 7%) một năm.

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2015					1/1/2015				
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
								Đã điều chỉnh lại (i)	Đã điều chỉnh lại (i)	
Đầu tư góp vốn vào:										
• Công ty con					(*)					(*)
• Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	51,00%	51,00%	529.510.310.129	-	(*)	51,00%	51,00%	529.510.310.129	-	(*)
• Công ty Cổ phần Tài chính Dệt May (ii)	-	-	-	-	(*)	64,10%	64,10%	374.865.853.698	-	(*)
• Công ty TNHH MTV Thương Mại Thời Trang Dệt May Việt Nam (ii)	-	-	-	-	(*)	100%	100%	229.500.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH Dệt Kim Đông Phương	100%	100%	156.584.867.884	-	(*)	100%	100%	156.584.867.884	-	(*)
• Công ty TNHH NN Một thành viên Dệt 8-3 (iii)	100%	100%	162.142.895.063	-	(*)	100%	100%	142.142.895.063	-	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	68,21%	68,21%	150.422.075.950	-	(*)	68,21%	68,21%	150.422.075.950	-	(*)
• Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May	68,34%	68,34%	23.107.500.000	-	(*)	68,34%	68,34%	23.107.500.000	-	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	57,57%	57,57%	134.385.103.590	-	(*)	57,57%	57,57%	134.385.103.590	-	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	53,67%	53,67%	81.555.023.813	-	(*)	53,67%	53,67%	81.555.023.813	-	(*)
• Công ty Dệt kim Đông Xuân	100%	100%	115.815.363.458	-	(*)	100%	100%	115.815.363.458	-	(*)
• Công ty Cổ phần Len Việt Nam	67,15%	67,15%	28.259.101.159	-	(*)	67,15%	67,15%	28.259.101.159	-	(*)
• Công ty Cổ phần SXKD Nguyên liệu Dệt May Việt Nam	61,63%	61,63%	24.852.076.451	-	(*)	61,63%	61,63%	24.852.076.451	-	(*)
• Công ty Cổ phần Bông Việt Nam	55,00%	55,00%	24.750.000.000	(2.475.000.000)	(*)	55,00%	55,00%	24.750.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối (iv)	51,00%	51,00%	41.822.531.336	-	(*)	51,00%	51,00%	45.902.531.336	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex	51,00%	51,00%	41.130.079.185	-	(*)	51,00%	51,00%	41.130.079.185	-	(*)
• Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	53,85%	53,85%	39.196.265.350	-	(*)	53,85%	53,85%	39.196.265.350	-	(*)
• Công ty Cổ phần Dệt May Huế	65,54%	65,54%	150.734.318.000	-	(*)	65,54%	65,54%	150.734.318.000	-	(*)
			1.704.267.511.368	(2.475.000.000)				2.292.713.365.066	-	
• Công ty liên kết					(*)					(*)
• Công ty Cổ phần May Nhà Bè	27,69%	27,69%	64.157.524.344	-	(*)	27,69%	27,69%	64.157.524.344	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo	27,00%	27,00%	38.165.460.248	-	(*)	27,00%	27,00%	38.165.460.248	-	(*)
• Công ty Cổ phần May Đức Giang	36,79%	36,79%	46.158.338.796	-	(*)	36,79%	36,79%	46.158.338.796	-	(*)
• Công ty Cổ phần May Hưng Yên	35,01%	35,01%	47.350.233.063	-	(*)	35,01%	35,01%	47.350.233.063	-	(*)
• Tổng Công ty May Lữ - Công ty Cổ phần	35,51%	35,51%	53.808.418.752	-	(*)	35,51%	35,51%	53.808.418.752	-	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiên	47,88%	47,88%	282.635.440.119	-	(*)	47,88%	47,88%	282.635.440.119	-	(*)
• Tổng Công ty Việt Thăng - Công ty Cổ phần	46,93%	46,93%	196.304.445.135	-	(*)	46,93%	46,93%	196.304.445.135	-	(*)
• Các khoản đầu tư tại các công ty liên kết khác			322.203.803.119	-	(*)			320.509.890.764	-	(*)
			1.050.783.663.576	-				1.049.089.751.221	-	

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	31/12/2015				1/1/2015					
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
							Đã điều chỉnh lại (i)	Đã điều chỉnh lại (i)		
<b>▪ Đơn vị khác</b>										
<i>Các khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường</i>										
• Ngân hàng TMCP Quốc Dân (v)	3,65%	3,65%	74.767.938.000	(12.424.672.050)	62.343.265.950	3,65%	2.530.498.318	-	-	74.767.938.000
• Các khoản đầu tư vào cổ phiếu khác (ii)			-	-	-					
<i>Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu</i>										
• Công ty Cổ phần TCE VINA DENIM	6,09%	6,09%	19.583.559.975	-	(*)	8,59%	19.583.559.975	-	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Phước Long (ii)	-	-	-	-	-	18,23%	14.096.370.853	-	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thăng	18,02%	18,02%	6.305.925.360	-	(*)	18,02%	6.305.925.360	-	-	(*)
• Quỹ Đầu tư Việt Nam	0,67%	0,67%	5.619.624.421	-	(*)	0,67%	11.941.701.894	-	-	(*)
• Các khoản đầu tư khác			19.605.797.122	-	(*)		23.093.152.591	-	-	(*)
			<b>125.882.844.878</b>	<b>(12.424.672.050)</b>			<b>152.319.146.991</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
			<b>2.880.934.019.822</b>	<b>(14.899.672.050)</b>			<b>3.494.122.263.278</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	

- (i) Như đã trình bày trong Thuyết minh 5, căn cứ vào Công văn số 17623/BTC-TCĐN ngày 26 tháng 11 năm 2015 về việc xử lý tồn tại tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện định giá lại các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần và điều chỉnh lại số liệu kế toán tại ngày 1 tháng 1 năm 2015. Phương pháp định giá lại các khoản đầu tư được trình bày chi tiết trong Thuyết minh 4(c)(ii).
- (ii) Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã bán toàn bộ các khoản đầu tư này trong năm.
- (iii) Trong năm, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã tăng khoản đầu tư vào Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3 lên thêm 20.000 triệu VND thông qua việc điều chuyển nguyên trang Xi nghiệp Sản xuất Kinh doanh Veston Hải Phòng, một chi nhánh phụ thuộc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho công ty này.
- (iv) Trong năm, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã ghi giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nội tương ứng với số cổ tức được chia từ công ty này cho năm 2014 là 4.080 triệu VND do khoản cổ tức này đã được sử dụng để định giá lại giá trị khoản đầu tư tại thời điểm Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển thành công ty cổ phần.
- (v) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quốc Dân được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.
- (\*) Tập đoàn Dệt May Việt Nam chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 15 công ty con cấp 1 (1/1/2015: 17 công ty con cấp 1) và 22 công ty liên kết (1/1/2015: 23 công ty liên kết). Các công ty con, công ty liên kết và đơn vị khác đều được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, các khoản đầu tư dài hạn có giá trị ghi sổ là 75.463 triệu VND (1/1/2015 – đã điều chỉnh lại: 75.463 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>Đã điều chỉnh lại</b>
<b>Phải thu của khách hàng là các công ty liên quan</b>		
▪ Công ty Cổ phần May Bình Minh	4.163.767.647	6.899.586.212
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Phương	3.269.075.788	-
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	3.109.591.063	-
▪ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3	19.184.449	12.191.741.900
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	-	1.971.216.841
▪ Công ty Cổ phần Dệt Kim Vinatex	224.403.549	1.458.892.273
▪ Các công ty liên quan khác	474.710.736	180.656.000
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>		
▪ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	10.656.537.864	-
▪ Ozon Tekstil Konfeksiyon San. ve Tic. A.S.	8.523.438.840	-
▪ Công ty Cổ phần Siêu thị Vinmart	7.223.195.525	6.407.602.855
▪ Công ty TNHH Thương mại Nguyễn Thạnh	-	9.272.081.499
▪ Các khách hàng khác	16.027.846.908	15.687.772.990
	<hr/>	
	53.691.752.369	54.069.550.570
	<hr/>	

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Phải thu về cho vay****(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
<b>Phải thu về cho vay từ các công ty liên quan</b>		
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	74.999.388.608	29.999.388.608
▪ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3	42.996.540.000	42.996.540.000
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Phương	25.700.000.000	25.700.000.000
▪ Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	20.000.000.000	20.000.000.000
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	17.500.000.000	-
<b>Phải thu về cho vay từ các công ty khác</b>		
▪ Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	68.888.460.000	93.888.460.000
▪ Công ty Cổ phần Dệt Sơn Trà	2.000.000.000	2.000.000.000
	252.084.388.608	214.584.388.608

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn hưởng lãi suất dao động từ 0% đến 7,5% (2014: từ 0% đến 8%) một năm.

**(b) Phải thu về cho vay dài hạn**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
<b>Phải thu về cho vay từ công ty liên quan</b>		
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May	75.987.039.404	-
<b>Phải thu về cho vay từ các bên khác</b>	594.286.359	594.286.359
	76.581.325.763	594.286.359

Các khoản phải thu về cho vay dài hạn hưởng lãi suất 5,5% (2014: 0%) một năm.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Phải thu khác****(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã điều chỉnh lại
Các khoản phải thu về cổ phần hóa	4.939.586.648	4.740.995.262
Cổ tức phải thu	336.823.058.360	284.409.859.357
Tiền lãi cho vay	6.988.421.743	2.217.456.469
Lãi tiền gửi	7.649.644.634	-
Phải thu từ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3 do điều chuyển Xí nghiệp Sản xuất Kinh doanh Veston Hải Phòng	26.889.814.936	-
Phải thu khoản vốn đã góp vào Dự án Đồng Mai	22.500.000.000	22.500.000.000
Phải thu từ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3 liên quan đến khoản trợ cấp thất nghiệp	15.691.562.952	15.691.562.952
Tạm ứng cho công nhân viên	2.570.188.000	2.013.487.938
Phải thu thuế giá trị gia tăng được hoàn	19.065.245.191	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	12.755.576.221	11.787.461.058
	<b>455.873.098.685</b>	<b>343.360.823.036</b>

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan như sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã điều chỉnh lại
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	60.729.316.657	56.113.194.000
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	58.020.656.841	51.128.840.000
Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3	44.627.801.679	18.035.446.743
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	40.217.760.000	40.217.760.000
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	32.227.446.000	21.484.964.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	22.500.000.000	22.500.000.000
Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP	19.710.000.000	24.637.500.000
Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân	17.763.645.637	-
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	16.153.620.000	7.272.954.000
Công ty Cổ phần Dệt May Huế	14.745.748.500	9.830.499.000
Tổng Công ty May Hưng Yên – CTCP	14.230.339.200	11.858.616.000
Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	12.600.000.000	12.600.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông phương	8.866.269.693	-
Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	7.959.238.000	7.959.238.000
Tổng Công ty Cổ phần May 10	7.102.360.000	6.628.868.000
Các công ty liên quan khác	30.802.734.209	33.437.537.460
	<b>408.256.936.416</b>	<b>323.705.417.203</b>



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải thu dài hạn khác**

	<b>31/12/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b>
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	5.311.153.500	5.311.153.500

**11. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b>
Nguyên vật liệu	32.270.541.941	15.422.974.634
Công cụ và dụng cụ	130.301.491	221.916.605
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.837.574.406	3.942.776.536
Thành phẩm	10.582.367.446	13.335.340.829
Hàng hóa	786.436.723	114.984.622
Hàng gửi đi bán	2.284.267.916	2.195.114.824
	<b>53.891.489.923</b>	<b>35.233.108.050</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*

*Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	410.527.409.906	375.622.528.489	29.847.466.114	24.061.739.110	840.059.143.619
Tăng do mua sắm trong năm	-	6.284.253.844	13.018.210.909	505.127.728	19.807.592.481
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	3.755.257.127	51.224.072.559	-	-	54.979.329.686
Thanh lý	-	(1.888.565.654)	-	(35.941.920)	(1.924.507.574)
Giảm do điều chuyển Xí nghiệp Sản xuất Kinh doanh Veston Hải Phòng	(36.423.441.182)	(35.362.649.651)	(1.069.225.455)	(550.022.697)	(73.405.338.985)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>377.859.225.851</b>	<b>395.879.639.587</b>	<b>41.796.451.568</b>	<b>23.980.902.221</b>	<b>839.516.219.227</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	157.399.083.500	231.734.110.027	11.369.472.800	7.102.394.446	407.605.060.773
Khấu hao trong năm	17.128.510.354	21.099.891.144	4.924.087.848	3.361.139.028	46.513.628.374
Thanh lý	-	(714.675.460)	-	(31.748.697)	(746.424.157)
Giảm do điều chuyển Xí nghiệp Sản xuất Kinh doanh Veston Hải Phòng	(11.511.772.013)	(26.271.358.149)	(153.198.161)	(228.509.483)	(38.164.837.806)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>163.015.821.841</b>	<b>225.847.967.562</b>	<b>16.140.362.487</b>	<b>10.203.275.294</b>	<b>415.207.427.184</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	253.128.326.406	143.888.418.462	18.477.993.314	16.959.344.664	432.454.082.846
Số dư cuối năm	214.843.404.010	170.031.672.025	25.656.089.081	13.777.626.927	424.308.792.043

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 53.537 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 14.038 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 268.649 triệu VND (1/1/2015: 263.816 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	62.544.728.600	600.350.000	63.145.078.600
Giảm do điều chuyển Xí nghiệp Sản xuất Kinh doanh Veston Hải Phòng	-	(65.200.000)	(65.200.000)
Số dư cuối năm	62.544.728.600	535.150.000	63.079.878.600
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	8.754.276.160	573.938.878	9.328.215.038
Khấu hao trong năm	1.250.894.568	26.411.122	1.277.305.690
Giảm do điều chuyển Xí nghiệp Sản xuất Kinh doanh Veston Hải Phòng	-	(65.200.000)	(65.200.000)
Số dư cuối năm	10.005.170.728	535.150.000	10.540.320.728
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	53.790.452.440	26.411.122	53.816.863.562
Số dư cuối năm	52.539.557.872	-	52.539.557.872

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 535 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: Không).

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
Số dư đầu năm	56.159.731.797	72.282.441.172
Tăng trong năm	870.378.258.829	211.330.823.822
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(54.979.329.686)	(195.580.430.352)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(31.873.102.845)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	871.558.660.940	56.159.731.797

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>
Nhà máy Sợi Phú Hưng	61.266.240	62.205.738
Nhà máy Sợi Nam Định	168.030.012.763	31.400.081.832
Nhà máy Sản xuất vải Yarn Dyed	262.300.252.185	14.637.033.629
Nhà máy May Vinatex Kiên Giang	97.912.389.378	4.236.079.178
Nhà máy Sợi Phú Cường	316.442.844.422	673.513.203
Nhà máy May Cần Thơ	16.766.700.616	-
Các công trình khác	10.045.195.336	5.150.818.217
	<hr/>	<hr/>
	871.558.660.940	56.159.731.797

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, giá trị ghi sổ của xây dựng cơ bản dở dang là 839.643 triệu VND (1/1/2015: Không) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 11.833 triệu VND (2014: 1.974 triệu VND).

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*

*Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí đất trả trước VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Lợi thế kinh doanh VND</b>	<b>Khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu năm	50.386.661.380	10.011.450.454	5.618.957.875	5.245.189.323	71.262.259.032
Tăng do mua sắm trong năm	5.337.536.420	5.528.895.594	-	5.363.059.594	16.229.491.608
Phân bổ trong năm	(3.253.536.334)	(5.868.766.655)	(1.872.985.959)	(6.676.999.136)	(17.672.288.084)
Giảm do điều chuyển Xí nghiệp Sản xuất Kinh doanh Veston Hải Phòng	-	(2.832.730.144)	-	-	(2.832.730.144)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>52.470.661.466</b>	<b>6.838.849.249</b>	<b>3.745.971.916</b>	<b>3.931.249.781</b>	<b>66.986.732.412</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	3.469.409.520	16.816.421.279
Tổng Công ty Cổ phần May 10	2.823.799.815	-
Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Phương	2.401.517.216	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	1.845.156.022	1.225.755.627
Các công ty liên quan khác	142.456.250	614.516.950
<b>Phải trả người bán khác</b>		
Truetzschler GmbH & Co. KG	28.459.042.634	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Byd Việt Nam	21.922.431.000	698.269.000
Công ty TNHH Bextex Trading	19.954.394.026	-
Nataka Corporate Private Limited	13.694.289.700	-
Các nhà cung cấp khác	44.733.130.915	12.460.605.144
	<hr/>	
	<b>139.445.627.098</b>	<b>31.815.568.000</b>

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*

*Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	1/1/2015 VND Đã điều chỉnh lại	Số đã nộp trong năm VND	Số phát sinh/ đã thu được trong năm VND	Bù trừ với khoản phải trả VND	31/12/2015 VND
<b>Thuế</b>					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	138.620.034	529.617.227	(448.017.062)	-	220.220.199
<i>Văn phòng</i>	<i>138.620.034</i>	<i>529.617.227</i>	<i>(448.017.062)</i>	-	<i>220.220.199</i>
Thuế xuất, nhập khẩu	180.191.331	1.140.901.153	(1.296.459.097)	-	24.633.387
<i>Văn phòng</i>	<i>180.191.331</i>	<i>1.140.901.153</i>	<i>(1.296.459.097)</i>	-	<i>24.633.387</i>
<b>Các khoản phải thu khác</b>					
Lợi nhuận nộp thừa phải thu từ Nhà nước	1.231.078.081	-	-	(1.231.078.081)	-
<i>Văn phòng</i>	<i>1.231.078.081</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>(1.231.078.081)</i>	<i>-</i>
Khác	73.884.410	77.216.262	-	-	151.100.672
<i>Xi nghiệp Sản xuất Kinh doanh</i>					
<i>Veston Hải Phòng</i>	<i>73.884.410</i>	<i>77.216.262</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>151.100.672</i>
	<b>1.623.773.856</b>	<b>1.747.734.642</b>	<b>(1.744.476.159)</b>	<b>(1.231.078.081)</b>	<b>395.954.258</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2015 VND Đã điều chỉnh lại	Thuế GTGT đầu ra VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Bù trừ với thuế GTGT đầu vào/ số phải thu VND	31/12/2015 VND
<b>Thuế</b>						
Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.070.956.756	22.733.775.179	-	(8.225.614.299)	(20.131.824.489)	447.293.147
<i>Văn phòng</i>	2.858.318.779	12.643.748.275	-	(3.010.707.777)	(12.491.359.277)	-
<i>Nhà máy Sợi Phú Hưng</i>	1.630.985.185	5.777.861.795	-	(1.630.985.185)	(5.777.861.795)	-
<i>Xí nghiệp May Vinatex Quảng Ngãi</i>	1.581.652.792	3.612.647.414	-	(3.378.074.255)	(1.686.713.794)	129.512.157
<i>Nhà máy May Kiên Giang</i>	-	699.517.695	-	(205.847.082)	(175.889.623)	317.780.990
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	56.281.579.086	(56.281.579.086)	-	-
<i>Văn phòng</i>	-	-	55.838.415.626	(55.838.415.626)	-	-
<i>Nhà máy Sợi Phú Hưng</i>	-	-	443.163.460	(443.163.460)	-	-
Thuế nhà thầu	-	-	3.618.232.630	(3.279.574.862)	-	338.657.768
<i>Văn phòng</i>	-	-	3.618.232.630	(3.279.574.862)	-	338.657.768
Các loại thuế khác	192.575.759	-	2.746.711.705	(2.753.118.559)	-	186.168.905
+ Thuế môn bài	-	-	8.000.000	(8.000.000)	-	-
<i>Văn phòng Hà Nội</i>	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
<i>Văn phòng Hồ Chí Minh</i>	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
<i>Trung tâm XLNT KCN Dệt may phố Nổi</i>	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
<i>Xí nghiệp May Vinatex Quảng Ngãi</i>	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
<i>Chi nhánh văn phòng Hồ Chí Minh</i>	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
<i>Nhà máy May Kiên Giang</i>	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	1/1/2015 VND	Thuế GTGT đầu ra VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Bù trừ với thuế GTGT đầu vào/ số phải thu VND	31/12/2015 VND
<b>Đã điều chỉnh lại</b>						
+ Thuế nhập khẩu	-	-	1.563.871	(1.563.871)	-	-
<i>Nhà máy Sợi Phú Hưng</i>	-	-	1.563.871	(1.563.871)	-	-
+ Thuế thu nhập cá nhân	192.575.759	-	2.737.147.834	(2.743.554.688)	-	186.168.905
<i>Văn phòng</i>	167.973.515	-	2.545.531.092	(2.557.851.097)	-	155.653.510
<i>Xi nghiệp Sản xuất Kinh doanh</i>						
<i>Veston Hải Phòng</i>	4.908.000	-	-	(4.908.000)	-	-
<i>Nhà máy Sợi Phú Hưng</i>	19.694.244	-	186.701.362	(179.662.089)	-	26.733.517
<i>Xi nghiệp May Vinatex Quảng Ngãi</i>	-	-	1.133.502	(1.133.502)	-	-
<i>Nhà máy May Kiên Giang</i>	-	-	2.964.985	-	-	2.964.985
<i>Chi nhánh văn phòng Hồ Chí Minh</i>	-	-	816.893	-	-	816.893
<b>Các khoản phải nộp khác</b>						
Tiền thuê đất	-	-	7.309.195.641	(7.309.195.641)	-	-
<i>Văn phòng Hà Nội</i>	-	-	1.022.987.221	(1.022.987.221)	-	-
<i>Văn phòng Hồ Chí Minh</i>	-	-	6.286.208.420	(6.286.208.420)	-	-
	6.263.532.515	22.733.775.179	69.955.719.062	(77.849.082.447)	(20.131.824.489)	972.119.820

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Chi phí phải trả****(a) Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Phí dịch vụ chuyên môn và phí tư vấn	1.243.454.545	2.513.000.000
Lãi vay	876.928.000	2.925.115.833
Chi phí phải trả khác	1.303.851.357	3.750.027.481
	<hr/> 3.424.233.902	<hr/> 9.188.143.314
Phần chi phí phải trả dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng	948.672.000	948.672.000
	<hr/> 4.372.905.902	<hr/> 10.136.815.314

**(b) Chi phí phải trả dài hạn**

	<b>31/12/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Tiền thuê đất phải trả (*)	28.460.160.000	29.408.832.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(948.672.000)	(948.672.000)
	<hr/> 27.511.488.000	<hr/> 28.460.160.000

(\*) Phản ánh số tiền thuê đất tại số 10 Nguyễn Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh được điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán Công ty TNHH Tập đoàn Dệt May Việt Nam năm 2012 của Kiểm toán Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2013.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*

*Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Phải trả khác**

**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>Đã điều chỉnh lại</b>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	2.313.736.943	1.303.392.995
Phải trả các công ty liên quan	1.167.830.862	1.513.735.695
Quỹ từ thiện	3.551.073.470	3.716.601.527
Phải trả về cổ phần hóa	5.449.245.603	5.449.245.603
Phải nộp Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	-	356.716.713.904
Lợi nhuận năm 2014 phải nộp Nhà nước	-	159.250.645.027
Nhận đặt cọc theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần tại công ty con	-	219.208.552.560
Phải trả cho các trường đào tạo (*)	68.455.091.012	68.455.091.012
Các khoản phải trả khác	5.787.810.796	2.116.099.674
	<b>86.724.788.686</b>	<b>817.730.077.997</b>
Phần phải trả dài hạn khác đến hạn trả trong vòng 12 tháng	369.532.259.133	-
	<b>456.257.047.819</b>	<b>817.730.077.997</b>

(\*) Phải trả cho các trường đào tạo là phần vốn xây dựng cơ bản thuộc trách nhiệm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho các trường đào tạo thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCDN, chi tiết như sau:

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trường Cao đẳng nghề Kinh tế Kỹ thuật Vinatex	57.447.120.513	57.447.120.513
Trường Cao đẳng Công nghiệp Dệt May	10.289.000.000	10.289.000.000
Thời Trang Hà Nội	718.970.499	718.970.499
Trường Cao đẳng nghề Kinh tế Kỹ thuật Vinatex Thành phố Hồ Chí Minh	718.970.499	718.970.499
	<b>68.455.091.012</b>	<b>68.455.091.012</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải trả dài hạn khác**

	<b>31/12/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (*)	369.532.259.133	422.123.160.961
Các khoản phải trả dài hạn khác	192.815.930	6.788.434
	<hr/> 369.725.075.063	<hr/> 422.129.949.395
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(369.532.259.133)	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	<hr/> 192.815.930	<hr/> 422.129.949.395

- (\*) Khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp liên quan đến phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư tài chính tại ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển đổi sang công ty cổ phần và sẽ phải trả trong vòng không quá 12 tháng kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam lập Báo cáo quyết toán tài chính để chính thức chuyển thành công ty cổ phần, ngày 31 tháng 5 năm 2015 (Thuyết minh 5(a)). Khoản phải trả dài hạn tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được Tập đoàn Dệt May Việt Nam điều chỉnh lại để phản ánh nghĩa vụ phải trả này.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***20. Vay****(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2015 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2015 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn (*)	46.302.456.929	509.732.735.503	(510.368.569.215)	45.666.623.217
Vay dài hạn đến hạn trả	13.298.775.000	28.078.403.591	(13.298.775.000)	28.078.403.591
	59.601.231.929	537.811.139.094	(523.667.344.215)	73.745.026.808

(\*) Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi (i)	VND	5,4%	14.081.542.648	4.728.146.829
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Huế (ii)	USD	1,5%	21.357.846.874	8.719.840.483
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (ii)	USD	1,6%	6.780.437.720	-
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (ii)	VND	5,7%	3.446.795.975	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Huế (ii)	VND	6,0%	-	32.171.120.603
Công ty TNHH MTV Thương mại Thời Trang Dệt May Việt Nam (ii)	VND	8,0%	-	683.349.014
			45.666.623.217	46.302.456.929

(i) Khoản vay này được bảo đảm bằng một số tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 58.167 triệu VND (1/1/2015: 60.433 triệu VND). Các tài sản này cũng dùng để thế chấp cho khoản vay dài hạn từ ngân hàng này (Thuyết minh 20(b)).

(ii) Các khoản vay này không được đảm bảo.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Huế - VND 1 (i)	36.030.133.259	36.230.133.259
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Huế - VND 2 (i)	2.128.458.520	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Huế - USD 1 (i)	92.838.443.752	88.026.670.311
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Huế - USD 2 (i)	13.995.321.994	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi (ii)	39.957.272.526	40.957.272.526
Ngân hàng TMCP Sài Gòn (iii)	91.680.000.000	91.680.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – VND (iv)	36.091.952.333	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – USD (iv)	14.238.811.020	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh - VND (v)	3.560.442.642	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh - USD (v)	180.958.446.627	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi (vi)	3.261.603.591	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình USD (vii)	211.299.947.023	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội - VND (viii)	15.760.863.605	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội - USD (viii)	1.984.536.554	-
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hưng Yên	-	5.645.000.000
Công ty TNHH Oktava Việt Nam	-	1.147.575.000
	<hr/> 743.786.233.446	<hr/> 263.686.651.096
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 20(a))	(28.078.403.591)	(13.298.775.000)
	<hr/> 715.707.829.855	<hr/> 250.387.876.096

(i) Các khoản vay này được bảo đảm bằng một số tài sản cố định của nhà máy Sợi Phú Hưng với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 205.967 triệu VND (1/1/2015: 164.054 triệu VND).

- Khoản vay 1 bằng VND chịu lãi suất cố định 8,5% (2014: 8,7%) một năm và số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được hoàn trả trong 32 kỳ hàng quý, mỗi kỳ trả 1.140 triệu VND và trả toàn bộ số dư còn lại vào kỳ thanh toán cuối cùng.
- Khoản vay 2 bằng VND chịu lãi suất cố định 8,5% một năm và chưa có lịch trả nợ cụ thể.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*

*Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Khoản vay 1 bằng USD chịu lãi suất cố định 3,05% (2014: 3,55%) một năm và số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được hoàn trả trong 32 kỳ hàng quý, mỗi kỳ trả 130.000 USD và trả toàn bộ số dư còn lại vào kỳ thanh toán cuối cùng.
  - Khoản vay 2 bằng USD chịu lãi suất cố định 3,3% một năm và chưa có lịch trả nợ cụ thể.
- (ii) Khoản vay này được bảo đảm bằng số tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 58.167 triệu VND (1/1/2015: 60.433 triệu VND). Tài sản này cũng dùng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng này (Thuyết minh 20(a)). Khoản vay này chịu lãi suất thả nổi. Trong năm, lãi suất của khoản vay dao động trong khoảng từ là 8,9% đến 11% (2014: 10,5% đến 13,5%) một năm và số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được hoàn trả trong 16 kỳ hàng quý, mỗi kỳ trả trung bình là 2.497 triệu VND và trả toàn bộ số dư còn lại vào kỳ thanh toán cuối cùng.
- (iii) Khoản vay này được bảo đảm bằng 5.331.296 cổ phiếu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 75.463 triệu VND (1/1/2015 – đã điều chỉnh lại: 75.463 triệu VND). Khoản vay này gồm hai khoản vay chịu lãi suất cố định lần lượt là 6% và 7,1% một năm và số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được hoàn trả trong 18 kỳ nửa năm, mỗi kỳ trả số tiền không đều nhau và trung bình là 5.093 triệu VND.
- (iv) Các khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị của Nhà máy May Vinatex Kiên Giang với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 97.912 triệu VND. Trong đó, khoản vay bằng VND chịu lãi suất cố định là 8% một năm, khoản vay bằng USD chịu lãi suất cố định là 3,5% một năm. Các khoản vay này chưa có lịch trả nợ cụ thể.
- (v) Các khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị của Nhà máy Sản xuất vải Yarn Dyed với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 257.258 triệu VND. Trong đó, khoản vay bằng VND chịu lãi suất cố định 8,5% một năm, khoản vay bằng USD chịu lãi suất cố định 3,55% một năm. Hai khoản vay này chưa có lịch trả nợ cụ thể.
- (vi) Khoản vay này được bảo đảm bằng một số tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 4.515 triệu VND, chịu lãi suất cố định là 8,9% một năm và số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được hoàn trả trong vòng 19 kỳ hàng quý, mỗi kỳ trả trung bình là 172 triệu VND và trả toàn bộ số dư còn lại vào kỳ thanh toán cuối cùng.
- (vii) Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 316.443 triệu VND. Khoản vay này chịu lãi suất cố định 3,8% một năm và chưa có lịch trả nợ cụ thể.
- (viii) Các khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi Nam Định với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 168.030 triệu VND. Trong đó, khoản vay bằng VND chịu lãi suất cố định là 8,5% một năm, khoản vay bằng USD chịu lãi suất cố định là 3,8% một năm. Số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của hai khoản vay này được hoàn trả trong 32 kỳ hàng quý, mỗi kỳ trả trung bình 555 triệu VND và trả toàn bộ số dư còn lại vào kỳ thanh toán cuối cùng.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam  
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014</b>	4.285.655.300.181	-	-	268.948.213.644	18.964.022.745	112.831.135.000	-	4.686.398.671.570
Vốn phát hành thêm để cổ phần hóa	-	-	730.315.739.393	-	-	-	-	730.315.739.393
Tăng vốn góp do Ngân sách Nhà nước cấp cho một công ty con	14.787.838.706	-	-	-	-	-	-	14.787.838.706
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	259.497.558.739	-	259.497.558.739
Phân phối lợi nhuận vào các quỹ	-	-	-	77.290.533.921	-	(103.749.078.921)	-	(26.458.545.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(1.582.256.946)	-	-	(1.582.256.946)
Nộp Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	-	(111.522.692.784)	-	(111.522.692.784)
Chuyển sang phải trả ngắn hạn khác	10.639.972.950	-	-	(349.762.123.458)	(17.594.563.396)	(159.250.645.027)	-	(515.967.358.931)
Biến động khác	(11.487.200.338)	-	-	3.523.375.893	212.797.597	2.193.722.993	-	(5.557.303.855)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015</b>	4.299.595.911.499	-	730.315.739.393	-	-	-	-	5.029.911.650.892
Điều chuyển tăng vốn công ty cổ phần	700.404.088.501	29.911.650.892	(730.315.739.393)	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	266.289.668.614	-	266.289.668.614
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được Ngân sách Nhà nước cấp	-	-	-	-	-	-	235.664.195.144	235.664.195.144
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>	5.000.000.000.000	29.911.650.892	-	-	-	266.289.668.614	235.664.195.144	5.531.865.514.650



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***22. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn Dệt May Việt Nam như sau:

	<b>31/12/2015 và 29/1/2015</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	500.000.000	5.000.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	<b>Đã phát hành và đang lưu hành</b>		
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>	<b>%</b>
Nhà nước	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%
Các cổ đông khác	232.561.900	2.325.619.000.000	46,51%
	<b>500.000.000</b>	<b>5.000.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Xem Thuyết minh 21 để biết chi tiết biến động vốn cổ phần trong năm.

**23. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản**

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các dự án bao gồm: Dự án đầu tư Nhà máy Sợi Phú Hưng, Dự án đầu tư Nhà máy Sợi Nam Định và Dự án đầu tư Nhà máy Sợi Phú Cường. Tập đoàn Dệt May Việt Nam có trách nhiệm quản lý và sử dụng số vốn được giao theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn về cơ chế thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***24. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định**

Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định được Ngân sách Nhà nước cấp cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để đầu tư xây dựng Nhà truyền thống ngành Dệt May Việt Nam. Biến động của nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định trong năm như sau:

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	42.121.552.000	42.121.552.000
Hao mòn của Nhà truyền thống ngành Dệt May Việt Nam	(3.692.775.547)	-
Số dư cuối năm	<u>38.428.776.453</u>	<u>42.121.552.000</u>

**25. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Ngoại tệ các loại**

	<b>31/12/2015</b>		<b>1/1/2015</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.387.175	31.144.740.365	44.783	957.309.986
EUR	201	4.912.433	212	5.113.187
		<u>31.149.652.798</u>		<u>962.423.173</u>

**(b) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	<b>31/12/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	493.585.864.591	-
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	155.761.701.033	1.424.482.937.034
	<u>649.347.565.624</u>	<u>1.424.482.937.034</u>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	345.230.203.340	73.470.352.448
▪ Dịch vụ gia công	54.300.082.526	111.152.585.955
▪ Cung cấp dịch vụ	13.569.487.055	12.591.412.522
▪ Doanh thu cho thuê	28.968.838.030	21.416.354.364
▪ Khác	9.674.007.301	9.323.967.055
	<hr/> 451.742.618.252	<hr/> 227.954.672.344
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(46.352.637)	(151.365.002)
▪ Hàng bán bị trả lại	(17.521.631)	-
	<hr/> (63.874.268)	<hr/> (151.365.002)
Doanh thu thuần	<hr/> 451.678.743.984	<hr/> 227.803.307.342

**27. Giá vốn hàng bán**

	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
Hàng hoá đã bán	313.431.146.247	63.561.885.693
Dịch vụ gia công	54.590.032.797	104.850.383.652
Dịch vụ đã cung ứng	20.329.279.102	27.258.283.712
	<hr/> 388.350.458.146	<hr/> 195.670.553.057

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***28. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi và cho vay	116.231.003.251	71.513.402.312
Cổ tức	288.596.678.319	279.525.279.438
Lãi từ hoạt động bán cổ phiếu	3.795.789.513	39.968.392.053
Điều chỉnh lại lãi từ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn được chuyển nhượng trước ngày công bố giá trị doanh nghiệp	-	11.487.200.338
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.579.584.718	16.687.181
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	19.229.789
	<hr/>	<hr/>
	410.203.055.801	402.530.191.111
	<hr/>	<hr/>

**29. Chi phí tài chính**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	17.753.815.748	10.953.634.211
Lỗ do thanh lý đầu tư dài hạn	493.175.489	1.500.336
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	14.899.672.050	2.692.232.489
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.067.980.787	45.880.049
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	14.374.709.450	518.436.014
Các chi phí tài chính khác	43.925.858	212.433.845
	<hr/>	<hr/>
	50.633.279.382	14.424.116.944
	<hr/>	<hr/>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***30. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân công	40.558.557.765	46.927.973.845
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.766.805.099	36.849.949.924
Chi phí phân bổ từ chi phí trả trước dài hạn	11.157.876.163	13.196.121.255
Chi phí thuê đất và nhà cửa	19.799.772.241	21.139.244.418
Công tác phí	9.725.679.813	6.196.449.743
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3.494.971.388	10.881.649.955
Chi phí điện, nước, điện thoại	6.641.056.162	5.038.049.892
Chi phí tư vấn, dịch vụ chuyên môn	3.012.713.699	4.374.854.273
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	40.335.749.503	55.851.306.694
	<hr/>	<hr/>
	151.493.181.833	200.455.599.999

**31. Thu nhập khác**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi do thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	610.545.455	-
Lãi do đánh giá lại tài sản đem đi góp vốn	2.803.815.000	-
Lãi vay phải trả được điều chỉnh giảm	-	43.724.416.667
Các thu nhập khác	3.926.472.284	2.333.731.474
	<hr/>	<hr/>
	7.340.832.739	46.058.148.141

**32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	201.701.942.042	95.392.189.033
Chi phí nhân công	95.279.972.773	117.668.688.729
Chi phí khấu hao và phân bổ	49.224.680.810	63.354.307.024
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.418.724.987	81.947.095.393
Chi phí khác	66.997.296.170	50.706.049.698
	<hr/>	<hr/>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***33. Thuế thu nhập****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	2015 VND	2014 VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	448.017.062	-

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	266.737.685.676	259.497.558.739
Thuế tính theo thuế suất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam	58.682.290.849	57.089.462.923
Ảnh hưởng của thay đổi trong thuế suất	246.882.286	-
Thuế tương ứng với chi phí không được khấu trừ thuế	2.093.273.234	2.317.038.953
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận	2.468.822.861	2.087.572.951
Thuế tương ứng với thu nhập không bị tính thuế	(63.491.269.230)	(61.495.561.476)
Thuế trên hoạt động khác	448.017.062	1.486.649
	448.017.062	-

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% trên lợi nhuận tính thuế cho năm 2014 và 2015 và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### 34. Chi tiết doanh thu và lợi nhuận của các đơn vị phụ thuộc

STT	Đơn vị	Tổng doanh thu 2015 VND	Chi tiết doanh thu			Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN 2015 VND
			Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 2015 VND	Doanh thu hoạt động tài chính 2015 VND	Thu nhập khác 2015 VND	
1	<b>Văn phòng Công ty mẹ</b>					
	Văn phòng Hà Nội	509.160.682.222	113.761.266.212	389.580.327.983	5.819.088.027	292.512.828.947
	Văn phòng Hồ Chí Minh	59.754.220.337	40.230.318.697	19.522.245.016	1.656.624	(14.346.510.557)
2	<b>Các đơn vị phụ thuộc</b>					
	Trung tâm xử lý nước thải KCN					
	Dệt May Phố Nối	13.579.917.352	13.569.487.055	2.430.241	8.000.056	(6.055.333.068)
	Xí nghiệp May Vinatex Quảng Ngãi	55.859.365.293	54.300.082.526	48.521.506	1.510.761.261	(12.040.969.407)
	Nhà máy Sợi Phú Hưng	230.912.947.965	229.865.563.762	1.046.057.432	1.326.771	7.074.256.629
	Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh	19.373.623	15.900.000	3.473.623	-	(854.603.930)
3	<b>Tổng</b>	<b>869.286.506.792</b>	<b>451.742.618.252</b>	<b>410.203.055.801</b>	<b>7.340.832.739</b>	<b>266.289.668.614</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***35. Các giao dịch chủ yếu với bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Tập đoàn Dệt May Việt Nam có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2015 VND	2014 VND
<b>Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3</b>		
Nhận hoàn trả gốc vay	27.677.000.000	10.000.000.000
Khoản cho vay	27.677.000.000	-
Phí gia công	-	4.723.863.971
Cung cấp dịch vụ	587.220.500	4.672.540.090
Đầu tư góp vốn	20.000.000.000	-
Thu nhập tiền lãi	180.669.306	-
<b>Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ</b>		
Cổ tức	32.227.446.000	21.484.964.000
Bán hàng hóa	3.711.807.221	-
Cung cấp dịch vụ	466.127.272	2.727.273
Mua hàng hóa	73.862.727	-
<b>Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú</b>		
Cung cấp dịch vụ	282.704.545	1.923.484.500
Doanh thu cho thuê nhà	2.754.415.928	-
Cổ tức	59.854.073.600	56.113.194.000
Đầu tư góp vốn	-	91.698.291.200
Mua hàng hóa và dịch vụ	448.143.110	192.348.450
Thu nhập tiền lãi	875.243.057	-
Khoản cho vay	17.500.000.000	-
<b>Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hà Nội</b>		
Cổ tức	11.802.600.000	11.802.600.000
Thu nhập tiền lãi	-	1.999.861.110
Hoàn trả gốc vay	-	55.000.000.000
Cung cấp dịch vụ	73.200.000	-
<b>Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP</b>		
Cổ tức	19.710.000.000	24.637.500.000
Cung cấp dịch vụ	242.036.363	-
Mua hàng hóa	333.907.200	-
Phí gia công	157.235.000	-



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
<b>Tổng Công ty Cổ phần May 10</b>		
Phí gia công	-	50.085.849.157
Cổ tức	7.102.360.000	4.572.154.500
Lãi trái phiếu chuyển đổi	-	1.302.092.000
Cung cấp dịch vụ	203.400.000	-
Mua hàng hóa	19.913.445.237	-
<b>Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định</b>		
Cổ tức	3.649.850.000	4.014.835.000
Khoản cho vay	45.000.000.000	8.480.374.000
Thu nhập tiền lãi	3.524.675.354	2.012.438.007
Cung cấp dịch vụ	138.000.000	-
<b>Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài</b>		
Cổ tức	16.153.620.000	14.425.180.000
Cung cấp dịch vụ	58.181.818	-
Mua hàng hóa	19.140.000	-
<b>Tổng Công ty May Đồng Nai</b>		
Cổ tức	3.066.336.000	4.599.504.000
Cung cấp dịch vụ	20.000.000	-
<b>Công ty Cổ phần Dệt May Huế</b>		
Cổ tức	14.745.748.500	9.830.499.000
Mua hàng hóa	4.115.059.200	935.836.143
Cung cấp dịch vụ	170.400.000	-
<b>Công ty Cổ phần Bông Việt Nam</b>		
Cổ tức	-	2.750.000.000
Cung cấp dịch vụ	-	13.750.000
<b>Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam</b>		
Thu nhập tiền lãi	1.520.833.336	1.520.833.332
<b>Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May Việt Nam</b>		
Thoái vốn	374.865.853.698	-
<b>Công ty TNHH MTV Thương mại Thời trang Dệt May Việt Nam</b>		
Doanh thu cho thuê nhà	7.290.485.001	13.775.993.079
Mua hàng hóa	-	1.673.678.258
Thoái vốn	229.500.000.000	-
Cung cấp dịch vụ	466.359.197	-

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2015 VND	2014 VND
<b>Công ty Cổ phần May Hữu Nghị</b>		
Cổ tức	5.501.666.000	12.827.780.000
Cung cấp dịch vụ	44.400.000	-
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo</b>		
Cổ tức	-	5.940.000.000
<b>Công ty Cổ phần May Bình Minh</b>		
Cổ tức	1.417.500.000	2.700.000.000
Mua hàng hóa	125.545.455	-
Cung cấp dịch vụ	19.200.000	-
<b>Công ty Cổ phần May Chiến Thắng</b>		
Cổ tức	1.224.000.000	1.224.000.000
Cung cấp dịch vụ	6.800.000	-
<b>Công ty Cổ phần May Đáp Cầu</b>		
Cổ tức	3.245.400.000	1.803.000.000
Cổ tức bằng cổ phiếu	-	1.556.944.425
Mua trái phiếu chuyển đổi	-	1.803.000.000
<b>Tổng Công ty Đức Giang – CTCP</b>		
Cổ tức	7.959.238.000	11.638.269.120
Mua hàng hóa	9.374.947.370	-
Cung cấp dịch vụ	20.000.000	-
<b>Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến</b>		
Cổ tức	40.217.760.000	40.217.760.000
Cung cấp dịch vụ	134.200.000	-
Mua hàng hóa	68.181.818	-
<b>Tổng Công ty May Hưng Yên – CTCP</b>		
Cổ tức	14.230.339.200	23.357.880.000
Cung cấp dịch vụ	152.400.000	-
<b>Công ty Cổ phần Dệt lụa Nam định</b>		
Cổ tức	555.426.000	555.426.000
Cổ tức bằng cổ phiếu	-	213.630.400
Đầu tư góp vốn	555.400.000	-
Cung cấp dịch vụ	24.000.000	-
<b>Công ty Cổ phần May Nam định</b>		
Cổ tức	900.000.000	1.080.000.000
Cung cấp dịch vụ	15.000.000	-

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2015 VND	2014 VND
<b>Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Tân Châu</b>		
Cổ tức	-	1.069.200.000
Cung cấp dịch vụ	15.000.000	-
<b>Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng và Sản xuất Kinh doanh Dệt May Việt Nam</b>		
Cổ tức	-	2.250.000.000
<b>Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP</b>		
Cổ tức	12.600.000.000	12.600.000.000
Cung cấp dịch vụ	39.427.899.908	43.994.067.024
Mua hàng hóa	76.519.800	-
<b>Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.836.932.092	1.287.204.588
Đầu tư góp vốn	-	14.787.838.706
Thu nhập tiền lãi	2.490.111.111	-
Lợi nhuận được chia	6.376.158.582	-
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex</b>		
Cổ tức	3.727.500.000	-
Đầu tư góp vốn	-	10.000.000.000
Cung cấp dịch vụ	603.621.000	592.200.000
<b>Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May</b>		
Mua hàng hóa	35.922.643.541	58.849.597.169
Khoản cho vay	75.987.039.404	-
<b>Công ty TNHH Coats Phong Phú</b>		
Cung cấp dịch vụ	1.669.892.000	1.918.602.000
Mua hàng hóa	72.320.625	-
<b>Công ty Cổ phần Dệt Kim Vinatex</b>		
Cung cấp dịch vụ	3.115.570.500	3.292.719.500
<b>Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân</b>		
Đầu tư góp vốn	-	44.000.000.000
Cung cấp dịch vụ	11.400.000	-
Lợi nhuận được chia	17.763.645.637	-

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2015 VND	2014 VND
<b>Công ty Cổ phần Phát Triển Hạ Tầng Dệt May Phố Nối</b>		
Cổ tức	2.250.000.000	-
Cổ tức chia từ lợi nhuận năm 2014	4.080.000.000	-
Doanh thu cho thuê nhà	110.092.227	-
Cung cấp dịch vụ	45.000.000	-
<b>Công ty Cổ phần Vinatex Hồng Lĩnh</b>		
Cổ tức	1.116.000.000	-
Bán hàng hóa	10.226.330.730	-
<b>Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng</b>		
Cổ tức	1.200.000.000	-
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
Lương và thù lao đã trả	2.676.675.634	-

**36. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	2015 VND	2014 VND Đã điều chỉnh lại
<b>Điều chuyển Xí nghiệp Sản xuất Kinh doanh Veston Hải Phòng</b>		
Tăng các khoản phải thu ngắn hạn	15.042.911.253	-
Giảm tài sản ngắn hạn khác	273.884.410	-
Giảm tài sản cố định hữu hình – giá trị còn lại	35.240.501.179	-
Tăng đầu tư vào công ty con	20.000.000.000	-
Giảm chi phí trả trước dài hạn	2.832.730.144	-
Giảm vay ngắn hạn	1.147.575.000	-
Giảm các khoản nợ ngắn hạn khác	3.899.252.550	-
<b>Thay đổi khác</b>		
Giảm đầu tư vào công ty con do được chia cổ tức liên quan đến giai đoạn trước cổ phần hóa	4.080.000.000	-
Đổi trừ khoản tiền đã nhận đặt cọc trong năm trước với khoản đầu tư vào công ty con liên quan đến việc chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần thuộc sở hữu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại Công ty Cổ phần Tài chính Dệt May cho một bên đối tác	219.208.552.560	-
Tăng đầu tư vào công ty con do định giá lại giá trị khoản đầu tư tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần	-	253.772.227.706
Tăng đầu tư vào công ty liên kết do định giá lại giá trị khoản đầu tư tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần	-	164.858.757.686

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND Đã điều chỉnh lại</b>
Giảm đầu tư vào đơn vị khác do định giá lại giá trị khoản đầu tư tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần	-	7.996.284.920
Giảm dự phòng đầu tư tài chính dài hạn do định giá lại giá trị khoản đầu tư tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần	-	11.488.460.489
Tăng đầu tư vào công ty liên kết do cổ tức được trả bằng cổ phiếu	-	13.056.208.425
Tăng đầu tư dài hạn khác do cổ tức được trả bằng cổ phiếu	-	1.515.720.000
Đối trừ gốc vay dài hạn với khoản phải thu từ chuyển nhượng khoản đầu tư dài hạn khác	-	229.600.000.000
Đối trừ lãi vay phải trả với khoản phải thu từ chuyển nhượng khoản đầu tư dài hạn khác	-	22.400.000.000
Chuyển khoản đầu tư dài hạn thành khoản phải thu khác	-	22.500.000.000
Tăng vốn góp do Ngân sách Nhà nước cấp vốn cho một công ty con	-	14.787.838.706
Chuyển khoản lợi nhuận sau thuế năm 2015 phải nộp Nhà nước sang khoản phải trả ngắn hạn khác	-	(159.250.645.027)
Chuyển khoản chênh lệch giữa giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển sang công ty cổ phần với giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp sang khoản phải trả ngắn hạn và dài hạn khác	-	778.839.874.865

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Người lập:

Đặng Thị Hải  
Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:

Phạm Văn Tân  
Kế toán trưởngLê Tiến Trường  
Tổng Giám đốc